TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2018/HNGĐ - ST
Ngày 21 - 8 - 2018
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Hành**

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Th** – sinh năm 1980 (Có mặt)
Cư trú tại: Ấp CRA, xã PH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh **Trịnh Văn B** – sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp CRA, xã PH, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa Chị Lê Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Trịnh Văn B kết hôn vào năm 2000 không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm nên thường hay cự cải, chị và anh B đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm gia đình không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Th và anh B có với nhau 01 con chung tên Trịnh Công T, sinh năm 2001, hiện nay con đang sống với chị Th. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến khi thành niên, chị Th không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nợ riêng: Chị Th trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Chị Lê Thị Th và anh Trịnh Văn B là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Trịnh Văn B có địa chỉ cư trú tại ấp Cái Rắn A, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Chị Th và Anh B kết hôn năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì Chị Lê Thị Th có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Th đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên anh Trịnh Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh B.

Chị Lê Thị Th và anh Trịnh Văn B không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh B không có giá trị pháp lý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án tuyên bố không công nhận Chị Lê Thị Th và Anh Trịnh Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Chị Th xác định vợ chồng có với nhau được 01 con chung tên Trịnh Công T, sinh năm 2001. Hiện con đang sống với chị Th. Sau khi ly hôn chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác cháu Tuấn hiện tại đang sống với chị Th và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Tòa án xem xét nguyện vọng của các con mà giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 7 năm 2018 đối với cháu

Tuấn của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thì cháu Tuấn có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, đây là ý chí tự nguyện của cháu Tuấn là con chị Th và anh B nên Tòa án chấp nhận. Giao cháu Trịnh Công T, sinh năm 2001 cho chị Lê Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chị Th không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác định chị và anh B không có tài sản, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Th và anh B có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị Th và anh B đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị Lê Thị Th phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004431 ngày 16 tháng 5 năm 2018. Chị Lê Thị Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố Chị **Lê Thị Th** và anh **Trịnh Văn B** không phải là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao cháu **Trịnh Công T**, sinh năm 2001 cho Chị Lê Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Th không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác định chị và anh B không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Th và anh B có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị Th và anh B đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Chị Lê Thị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004431 ngày 16 tháng 5 năm 2018. Chị Lê Thị Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trịnh Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Khiết